

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại Đồi Chăn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”

(Khu vực Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền được cấp phép thăm dò mở rộng)
(Trữ lượng tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2017)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 7 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép số 80/GP-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền được thăm dò khoáng sản đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại Đồi Chăn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 22/3/2017;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 10/4/2017, phiếu đánh giá của ủy viên Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 482/TTr-STNMT ngày 26/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại Đồi Chăn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 3,65 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 17 có tọa độ tại phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng khoáng sản:

2.1. Trữ lượng địa chất cấp 121: 789.235 m³, trong đó:

- Khoáng sản chính: Đá spilit là 739.230 m³; trong đó, đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường là 680.091 m³; đá khối làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát là 59.139 m³.

- Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp là 50.005 m³.

2.2. Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác:

- Khoáng sản chính: Đá spilit là 421.465 m³; trong đó, đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường là 387.748 m³; đá khối làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát là 33.717 m³.

- Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp là 50.005 m³.

3. Mức sâu các khối tính trữ lượng phê duyệt như phụ lục số 02 kèm theo;

Trữ lượng của từng khu vực, cấp được thống kê chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất;

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

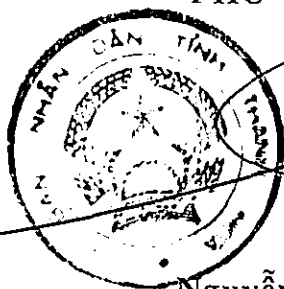
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Doanh nghiệp TN Tuấn Hiền;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

TỌA ĐỘ THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
TẠI ĐỒI CHĂN, XÃ HẠ TÀN, HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA
(KHU VỰC THĂM DÒ MỞ RỘNG)

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 1454/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Số hiệu điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 105° múi chiếu 3°		Diện tích (ha)
		X (m)	Y (m)	
1	11	2215 119.50	585 346.02	3,65
2	12	2215 103.33	585 388.54	
3	13	2215 078.67	585 418.19	
4	14	2215 055.80	585 413.63	
5	15	2214 968.65	585 554.02	
6	16	2214 854.47	585 523.98	
7	17	2214 883.95	585 333.01	

THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
TẠI ĐỒI CHẤN, XÃ HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA
(KHU VỰC THĂM DÒ MỞ RỘNG)

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 1454/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng	Trữ lượng (m ³)		Ghi chú
			Đá spilit làm VLXD thông thường	Đất san lấp	
1	K-I-121	Thấp nhất +40,0 m	359.712	50.005	
2	K-II-121		334.944		
3	K-III-121		44.574		
Tổng trữ lượng cấp 121			739.230	50.005	